

# Tiền đề xã hội – thẩm mỹ của sự đổi mới cách nhìn nhận và thể hiện số phận con người trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1975

Lê Thị Hằng\*

*Vụ Công tác Học sinh, Sinh viên - Bộ Giáo dục và Đào tạo,  
35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 05 tháng 5 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 12 tháng 5 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 5 năm 2015

**Tóm tắt:** Bài viết đặt vấn đề nghiên cứu những tiền đề xã hội - thẩm mỹ của sự đổi mới cách nhìn nhận và thể hiện số phận con người một trong những nội dung cơ bản của đổi mới tiểu thuyết Việt Nam từ sau 1975. Những tiền đề ấy là khá phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, trong khuôn khổ một bài báo khoa học, người viết chỉ đề cập đến một số phương diện cơ bản như đường lối văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thay đổi trạng thái của hiện thực - đối tượng khám phá của văn học, tầm đón đợi của độc giả, vai trò, ý thức của nhà văn trong quá trình sáng tác.

*Từ khóa:* Tiền đề, đổi mới, tiểu thuyết Việt Nam, số phận con người.

## 1. Đặt vấn đề

Tiểu thuyết Việt Nam đã đi hết chặng đường chẵn bốn mươi năm, tính từ khi chiến tranh kết thúc, và gần ba mươi năm, tính từ ngày công cuộc Đổi mới được khởi xướng. Ba mươi năm ấy, mặc dù vẫn còn những điều khiến người đọc phải băn khoăn, trăn trở, nhưng nó cũng đã đạt được một số thành tựu không thể phủ nhận. Sự tiến bộ và những thành tựu của tiểu thuyết có thể kể trên nhiều mặt, nhưng mặt quan trọng và có ý nghĩa tiên quyết nhất, đấy chính là đổi mới cách nhìn nhận, từ đó có những tìm tòi, sáng tạo trong cách thể hiện số phận con người.

## 2. Nội dung

2.1. Nếu nói văn học là nhân học, văn học lấy con người làm đối tượng của sự khám phá, thể hiện và phục vụ, thì tiểu thuyết, với tư cách là "cỗ máy cái" thể loại, với ưu thế là thể loại đang hoàn thành, luôn tiếp cận đời sống ở cự ly gần nhất, chính là khu vực giàu tiềm năng nhất trong việc thể hiện số phận con người, cũng như thể hiện quan niệm nghệ thuật về con người của các nền văn học hiện đại. Lịch sử tiểu thuyết, từ một góc độ nào đó, có thể nói, là lịch sử của quan niệm về con người. Với cách nhìn này, không khó để nhận ra sự khác nhau trong quan niệm về con người trong từng thời kỳ văn học từ/ qua lịch sử vận hành của "cỗ máy" tiểu thuyết.

\* ĐT.: 84-985111868

Email: lehang@moet.edu.vn

Lịch sử tiểu thuyết Việt Nam hiện đại có thể là minh chứng sinh động nhất cho nhận định vừa nêu trên. Chỉ riêng tính từ năm 1945 đến nay, người ta đã có thể thấy sự vận động, biến đổi của quan niệm về con người trong tiểu thuyết với những điều chỉnh khá thú vị, có khi như một cuộc cách mạng thực sự, mà năm bản lề có thể coi là năm 1986 (mặc dù sự phân chia giai đoạn văn học thường lấy mốc năm 1975, mốc kết thúc chiến tranh Việt Mỹ). Để nhận ra sự thay đổi thái độ đánh giá về con người, nhiều khi không cần phải quan sát trên cái nền tổng phổ của nó, mà chỉ cần trong một khu vực, một đề tài cụ thể. Chẳng hạn với đề tài chiến tranh, trong khuôn khổ hiện thực, và cùng với nó là tư tưởng thẩm mỹ, thủ pháp, phương pháp sáng tác của từng giai đoạn khác nhau, quan niệm và sự thể hiện quan niệm về con người cũng có sự khác nhau. Cùng viết về sự tàn khốc huỷ diệt của chiến tranh, nhưng ở những tác phẩm trước 1975 ta bắt gặp sự ác liệt dữ dội của những trận chiến. Nhưng trong các tác phẩm sau 1975, cái sự ác liệt của chiến tranh không chỉ nằm ở những sự kiện, mà còn là sự mất mát đau thương của mỗi con người, những bi kịch đau đớn ở mỗi số phận nhân vật.

Chính những chuyển biến lớn lao của đời sống xã hội đã tạo cho các nhà văn những tiền đề, những chất liệu để làm nên những tác phẩm đời hơn, thực hơn, đáp ứng được yêu cầu của xã hội, của văn học đặt ra. Đúng như lời Phan Cự Đệ: *“Bầu sữa nuôi dưỡng tiểu thuyết bao giờ và trước hết cũng là một cuộc sống thực với tất cả sự phong phú và phức tạp của nó. Nhưng không phải cuộc sống nào cũng là mảnh đất thuận lợi của tiểu thuyết. Thể loại văn học này đặc biệt phát triển trong những thời kỳ mà xã hội có những chuyển biến dữ dội”* [1].

Với đại thắng mùa xuân năm 1975, Việt Nam bước vào thời kỳ hoà bình thống nhất. Thế

nhưng chiến tranh chưa thể là câu chuyện của ngày hôm qua, vẫn còn đó những đồng hoang tàn đổ nát, những đau thương mất mát, những di chứng khó quên... Cạnh đó là biết bao ngổn ngang xô bồ của thời hậu chiến. Hậu quả, mặt trái của cuộc chiến vẫn đeo bám, in dấu trên từng gương mặt số phận.

Sau 1975 với yêu cầu bức thiết của lịch sử, khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong văn học không còn phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của một lực lượng người tiếp nhận đã và đang tự trang bị cho mình một tầm đón đợi mới, giàu thẩm mỹ hơn và cũng bớt mơ mộng hơn. Nhu cầu cổ vũ, động viên, ca ngợi không còn là vấn đề bức xúc cấp thiết nữa. *“Người đọc mới hôm qua còn mặn mà là thế mà bỗng dưng bây giờ quay lưng lại với anh”* [2].

Và cũng trong thời kỳ này, Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam về văn học nghệ thuật đã tạo điều kiện cho văn học nói chung và tiểu thuyết nói riêng có bước phát triển mới với những tìm tòi mới, mang những tố chất mới so với thời kỳ trước. Văn học nghệ thuật không chỉ được hiểu một cách đơn giản máy móc như là công cụ chính trị, vũ khí tư tưởng, nó còn bừng tỉnh với sự thức nhận về vai trò khám phá thực tại, thức tỉnh ý thức về sự thật, dự báo, dự cảm...

Sự thức tỉnh ý thức cá nhân đã mở ra cho văn học nhiều đề tài và chủ đề mới khiến văn học ngày càng đi tới một quan niệm sâu sắc hơn về con người. Con người vừa là điểm xuất phát, là đối tượng khám phá chủ yếu, vừa là cái đích cuối cùng của văn học, đồng thời cũng là điểm quy chiếu, là thước đo giá trị của mọi vấn đề xã hội, mọi sự kiện và biến cố lịch sử. Nguyễn Minh Châu - người mở đường tài năng và tinh anh cho văn học Việt Nam thời kì đổi mới - trong một lần trả lời phỏng vấn của báo *Văn nghệ* đầu năm 1986 đã phát biểu: *“Văn học và*

đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm của nó là con người. Người viết nào cũng có tính xấu nhưng tôi không thể nào tưởng tượng nổi một nhà văn mà lại không mang nặng trong mình tình yêu cuộc sống và nhất là tình yêu thương con người. Tình yêu này của người nghệ sỹ vừa là một niềm hân hoan say mê, vừa là một nỗi đau đớn, khắc khoải. Cầm giữ cái tình yêu lớn ấy trong mình, nhà văn mới có khả năng cảm thông sâu sắc với những nỗi đau khổ, bất hạnh của người đời, giúp họ có thể vượt qua những khủng hoảng tinh thần và đứng vững được trước cuộc sống”.

Ở bình diện tư duy nghệ thuật cũng có sự đổi mới: văn xuôi sau 1975 chuyển dần từ tư duy sử thi sang tư duy tiểu thuyết. Văn học lúc này không chỉ chú trọng vào hai đề tài Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội như trước, mà nó quan tâm nhiều hơn đến một mảng hiện thực lớn trước đây hầu như bị bỏ quên: vấn đề đời tư, đời thường và thế sự - đạo đức. *“Văn xuôi sau 1975 đã chuyển dần từ tư duy sử thi sang tư duy tiểu thuyết. Cuộc chiến đã lùi vào dĩ vãng, sau một quãng lùi lịch sử, sau một khoảng cách thời gian chất sử thi nhạt dần, cảm hứng sáng tạo chuyển từ ngợi ca, tự hào, khâm phục đến chiêm nghiệm, lắng đọng suy tư. Thay vì cách nhìn đơn giản rạch ròi thiện ác, bạn thù, cao cả, thấp hèn là cách nhìn đa chiều, phức hợp về hiện thực và số phận con người.”* [3].

2.2. Ở mỗi thời điểm lịch sử, quan niệm về văn chương có biến đổi phù hợp với yêu cầu và tâm lý công chúng. Quan niệm về văn học thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi quan niệm về nhà văn, về thiên chức của nhà văn trong đời sống xã hội. Sự chuyển biến của văn học trước hết ở sự chuyển biến trong ý thức của người cầm bút. Sau 1975 đến nay, thì nhu cầu đổi mới cách viết, cách nghĩ, đổi mới đề tài và phát triển càng trở nên cấp thiết.

Khi nói tới sự trăn trở của các nhà văn nghệ là chúng ta tiếp cận, tìm hiểu những phương diện trong tư tưởng của nhà văn. Nếu như nhà văn không có sự “trăn trở” trong dòng suy nghĩ là “viết cái gì”, “viết như thế nào” thì có lẽ tác phẩm khó đi đến thành công. Hay đó chính là sự tìm tòi trong sáng tạo nghệ thuật. Đại văn hào Nga L.Tônxtôi đã từng nói: “Nghệ thuật là kính hiển vi mà nghệ sỹ soi vào những bí ẩn của tâm hồn mình và trình bày những bí ẩn chung cho tất cả mọi người” (Dẫn theo Nguyễn Hải Hà [4]). Hay hơn nữa thế kỷ trước, nhà văn hiện thực Nam Cao đã nói: *“Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có”* (Đời thừa).

Giai đoạn 1945 - 1975, với nguyên lý “văn học phản ánh hiện thực”, văn học trở nên gắn bó với đời sống xã hội hơn, theo sát từng biến cố lịch sử, từng bước phát triển của phong trào cách mạng. Hiện thực được lựa chọn là hiện thực chính trị rộng lớn, là đề tài lớn công - nông - binh. Và sáng tác thường thiên về hướng ca ngợi một chiều, tô hồng. Do hoàn cảnh chiến tranh luôn phải đánh giá đời sống theo lập trường ta - địch nên việc xử lý chất liệu hiện thực ở từng tác phẩm chủ yếu theo tinh thần đường lối chính sách của Đảng. Nhưng sau 1975 với nhu cầu được "nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật", với những nỗ lực làm mới quan niệm về văn học, nhận thức về mối quan hệ nhà văn với hiện thực đã có thay đổi. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại đại hội VI nói rõ: “Thái độ của Đảng ta trong việc đánh giá tình hình là nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”. Nghị quyết 05 của Bộ chính trị cổ vũ văn nghệ sỹ: “Tiếng nói của văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là tiếng nói đầy

trách nhiệm, trung thực, tự do, tiếng nói của lương tri, của sự thật, của tinh thần nhân đạo cộng sản chủ nghĩa”. Sự ra đời của một số tác phẩm như *Đất trắng* (Nguyễn Trọng Oánh), *Gặp gỡ cuối năm* (Nguyễn Khải), *Hai người trở lại trung đoàn* (Thái Bá Lợi), *Miền cháy* (Nguyễn Minh Châu), *Năm 1975 họ đã sống như thế* (Nguyễn Trí Huân)... cho thấy văn xuôi đã có sự nở rộ phạm vi hiện thực, bổ sung vào những mảng chưa được nói tới (những thời điểm khốc liệt, những mất mát to lớn, những tiêu cực trong nội bộ ta...). Vì vậy mà văn học đi từ “phản ánh hiện thực” đến “nghiên ngẫm về hiện thực”. Vai trò chủ thể của nhà văn tăng lên, chủ động đối với việc lựa chọn hiện thực, chủ động về tư tưởng.

Từ mối quan hệ giữa nhà văn với hiện thực, vấn đề nhà văn trong quan hệ với công chúng được đặt ra. Trong văn học cách mạng (trước 1975) nhà văn tự ý thức về mình trước hết như một cán bộ tuyên huấn, người truyền bá chủ trương chính sách của Đảng qua phương tiện văn học. Văn xuôi sau 1975 là sự đối thoại với văn xuôi trước 1975 và đối thoại với bạn đọc về những vấn đề của đời sống, nhìn hiện thực trong sự vận động không ngừng, không khép kín, nhìn con người ở nhiều tọa độ, nhiều thang bậc giá trị. Nhà văn có sự nhìn nhận, suy ngẫm mới về mối quan hệ giữa văn học với hiện thực, với công chúng: “*tôi muốn dùng ngòi bút tham gia trợ lực vào cuộc đấu tranh giữa cái xấu và cái tốt, bên trong mỗi con người, một cuộc giao tranh không có gì ồn ào nhưng xảy ra từng ngày, từng giờ trên khắp các lĩnh vực cuộc sống*” (lời phát biểu của nhà văn Nguyễn Minh Châu trên báo Văn nghệ số 6/1989).

Với một nhà văn, đổi mới không phải là vấn đề cách tân hình thức, thay đổi cảm xúc hay khu vực đề tài, thay đổi các thủ pháp biểu hiện, mà quan trọng hơn đó là tư tưởng. Nhà nghiên

cứ Nguyễn Đăng Mạnh cho rằng: “*Tư tưởng nghệ thuật mới là cái giá trị của một nhà văn, làm nên gương mặt riêng, phong cách riêng của tác giả*” [5]. Trước đây do yêu cầu lịch sử, vấn đề quan trọng là vấn đề cộng đồng, bây giờ đổi mới tư duy, định vị lại giá trị cá nhân, vì thế mà trong văn học, ý thức cá tính trở thành một nhu cầu thường trực. Trong quan niệm, sáng tác của các tác giả đã có sự thay đổi. Chẳng hạn trước đây trong tác phẩm viết về chiến tranh và người lính của Nguyễn Minh Châu, với cảm hứng lãng mạn ông thể hiện thái độ chiêm bái đắm say về đẹp lý tưởng của những nhân vật anh hùng, những con người mang tâm vóc dân tộc và thời đại (*Cửa sông, Dấu chân người lính, Mảnh trăng cuối rừng...*), bây giờ phát hiện ra con người phức tạp “nhiều chiều”, ông muốn sử dụng một thước đo khác - thước đo nhân bản - để định giá con người từ mọi hành vi sống. Nhờ thước đo này, Nguyễn Minh Châu giúp người đọc nhận ra “những hạt ngọc ẩn kín trong tâm hồn con người”, nhận ra cuộc đấu tranh muôn đời giữa cái thiện và cái ác, phần tối và phần sáng nơi mỗi người, tránh được cái nhìn đơn giản, dễ dãi hoặc lý tưởng hoá, thần thánh hoá con người.

Và xét cho đến cùng mọi sự đổi mới, cách tân văn học đều xuất phát từ sự đổi thay về tư duy nghệ thuật, đặc biệt là sự thay đổi trong quan niệm nghệ thuật về con người. Trong văn học Việt Nam, quan niệm nghệ thuật về con người luôn luôn có sự vận động và phát triển. Hiện thực xã hội thay đổi tác động rất lớn đến quan niệm, suy nghĩ về cuộc sống và con người của nhà văn: “*Khi những biến động xã hội luôn luôn tác động đến cuộc sống, và nhân sinh luôn đặt ra những câu hỏi và giày vò lương tâm của mỗi con người thì người viết cũng phải suy nghĩ và có thái độ thích hợp*” [6].

Trước đây với tư duy sử thi và cảm hứng lãng mạn, cách nhìn cuộc đời và con người của các nhà văn chủ yếu là cách nhìn đơn giản, một chiều, phiến diện và hết sức rạch ròi thiện - ác; địch - ta; cao cả - thấp hèn, không hề có sự pha trộn trong các lĩnh vực ấy. Người đọc có cảm giác nắm bắt, hiểu được con người một cách dễ dàng. Nhưng văn học sau 1975 chuyển sang cảm hứng đời tư, thế sự, các nhà văn trăn trở hơn về những hiện thực cuộc sống. Vì vậy trên những trang văn, cuộc sống hiện lên với đầy đủ sự sinh động, phức tạp và nhiều màu sắc như nó vốn có. Đồng thời con người được cảm nhận là một tiểu vũ trụ vô cùng phức tạp, chiều sâu tâm hồn khó nắm bắt. Nhiều khía cạnh mới trong tính cách con người đời thường được các nhà văn sau 1975 khám phá khai thác: “*Đó là những con người được nhìn nhận trong nhiều mối quan hệ phong phú và phức tạp, con người với những niềm vui và nỗi buồn, trong sự phấn khởi và khổ đau, trong niềm tin và hoài nghi chiến thắng. Họ đẹp trong chất thép và cả sự mềm yếu*” [7].

Có thể nói rằng, ở các tiểu thuyết sau 1975, các nhà văn hầu như đã xác định rõ hơn thiên chức của mình trong việc phản ánh đời sống, đưa văn học trở về đúng với đặc trưng cơ bản của nó, và văn học ngày càng trở nên đời hơn, người hơn.

2.3. Không chỉ văn học Việt Nam mới quan tâm đến việc thể hiện số phận con người. Văn học Xô viết đương đại có khá nhiều tác phẩm viết về mảng đề tài này như *Số phận con người* (Sôlôkhốp), *Tuyết bông*, *Bến bờ*, *Lựa chọn* (Bônđarép), *Gắng sống đến bình minh*, *Bia mộ* (Bucốp), *Sống mà nhớ lấy* (Raxputin), *Và nơi đây bình minh yên tĩnh* (Vaxiliép)... Đây là những tác phẩm có ảnh hưởng đặc biệt lớn ở Việt Nam, nhất là khi sự giao lưu văn hoá, văn học Việt - Nga đang gặp những điều kiện thuận lợi nhất. Chính chúng đã đem lại nhiều gợi ý báu cho các nhà văn Việt Nam về cách tiếp cận

hiện thực chiến tranh và cách thể hiện số phận con người.

Ngoài những tác phẩm ưu tú của văn học Nga Xô viết, các nhà văn Việt Nam có thể đã tiếp nhận được nhiều bài học quý báu từ những tác phẩm viết về chiến tranh và thể hiện số phận con người nổi tiếng khác như *Phía tây không có gì lạ* của Romác (Đức). Trong cuốn sách vừa nêu, Romác đã mượn lời của nhân vật để phát biểu, nói lên những suy nghĩ cảm nhận của mình về chiến tranh. Kemorich là một nhân vật chính trong tác phẩm - một người lính ra trận. Nổi đau về vật chất và tinh thần đến với anh không phải chờ khi chiến tranh kết thúc mà nó hiện hữu lên con người, hình hài anh khi anh ở chiến trường: “*Khemorich không còn chân nữa. Người ta đã cưa chân nó rồi. Bộ mặt nó trông khiếp quá, vừa vàng ệch lại vừa xám xịt màu tro. Dưới làn da không còn sự sống nữa, sự sống đã bị đẩy ra ngoài cơ thể rồi, thần chết đang hoành hành bên trong và đã ngự trị trong cặp mắt. Ngay cả đến tiếng nói của nó cũng đã phảng phất cái gì của thần chết*” [8].

Suy nghĩ, cảm nhận về chiến tranh của Kemorich trong *Phía tây không có gì lạ* của Romaque gần giống như cảm nhận của những nhân vật trong tác phẩm văn học Việt Nam viết về đề tài chiến tranh. Với Kiên trong *Thân phận tình yêu* của Bảo Ninh, nhớ tới chiến tranh là nhớ tới biết bao đồng đội thân yêu ruột thịt. Bên cạnh đó, Kiên không thể nào quên được bộ mặt gớm ghiếc “*Với những móng vuốt của nó*” “*những sự thật trần trụi bất nhân của nó*” bất kì ai trải qua đều mãi mãi bị ám ảnh, mãi mãi mất khả năng sống bình thường. “*Chiến tranh còn là sự đùm bọc che chở được cứu rỗi trong tình đồng đội bác ái đồng thời cũng là gánh nặng bạo lực mà thân phận con sâu cái kiến người lính cũng phải công trên lưng đời đời kiếp kiếp*” [9]. Sự tàn khốc của cuộc chiến vẫn còn mãi trong anh: “*Chao ôi! chiến tranh là cõi không nhà không cửa, lang thang khôn khổ phiêu bạt*

vĩ đại, là cõi không đàn ông, không đàn bà, là thế giới bạc sâu vô cảm và tuyệt tự khủng khiếp nhất của dòng giống con người” [9]. Nỗi đau buồn của chiến tranh có khi cuộn cuộn trào dâng mãnh liệt, có khi trải dài mênh mang trong cõi mộng mị của tâm hồn Kiên.

Chiến tranh trong *Ấn mào dĩ vãng* của Chu Lai cũng vậy, đó là sự mất mát, sự khốc liệt, sự mất mát đau thương, khiến cho Hai Hùng - đội trưởng đội đặc nhiệm cũng phải kinh hoàng. Hai Hùng suy nghĩ: “Mười chín bồng gạo đổi lấy một mạng người mười chín tuổi! Đau quá! Vô nghĩa quá...” “Chiến tranh... nó là cái gì mà nếu không phải ngày nào cũng chôn người chết mà chưa đến lượt mình”.

Các tác giả Việt Nam có chung suy nghĩ về chiến tranh với nhiều đồng nghiệp nước ngoài. Với con mắt, cái nhìn của người hậu chiến các nhà văn đã viết về hiện thực và hậu quả của chiến tranh thực và sinh động hơn. Những suy nghĩ, cảm nhận của nhân vật, của tác giả qua tác phẩm luôn như những dấu hỏi lớn day dứt người đọc. Nghịch lí bi kịch của chiến tranh mãi vẫn ám ảnh con người, không chỉ khi trong cuộc chiến đang diễn ra, mà nó hiện hữu trong cuộc sống, số phận con người khi chiến tranh đã thuộc về quá khứ. Chiến tranh kết thúc, trở về với cuộc sống đời thường mỗi người lại mang trong mình một số phận, một bi kịch, họ như “*lơ ngơ giữa cuộc sống*”, “*bị bắn ra khỏi lề đường*”. Và đúng như ngay từ lời giới thiệu sách tác giả đã viết: “*cuốn sách này ... chỉ thử nói về một thế hệ bị chiến tranh huỷ hoại ngay cả khi thế hệ ấy đã thoát ra khỏi những viên đạn đại bác*”.

### 3. Kết luận

Cho đến nay, người đọc Việt Nam đã có thể, trong một chừng mực nào đó, thấy được

những thành tựu của tiểu thuyết - cũng như văn học - Việt Nam từ sau cú hích mạnh mẽ của tinh thần đổi mới được khởi xướng từ năm 1986. (Nói "cú hích", bởi thực ra tinh thần và khát vọng đổi mới văn học đã xuất hiện từ trước cái mốc vừa kể một thời gian khá dài, nếu không tính trong sáng tác của các tác giả thuộc nhóm Nhân văn giai phẩm, hay các bài thơ lẻ của Hữu Loan, Chính Hữu, Quang Dũng... thì vẫn có thể kể đến những trăn trở, tìm tòi của Nguyễn Minh Châu từ những năm bảy mươi của thế kỷ trước, trong truyện ngắn và tiểu thuyết). Có được những thành tựu đó, chắc chắn các nhà văn và cả nền văn học, thể loại tiểu thuyết phải vận động hết mình. Nhưng, một trong những điểm quan trọng là các nhà tiểu thuyết đã biết nắm thật chắc những tiền đề xã hội thâm mỹ, cụ thể đây là điều kiện để dẫn đến những thay đổi trong cách nhìn nhận và thể hiện số phận con người, chất chiu từng cơ hội cho sự trưởng thành của thể loại.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Đình Sử, Dẫn luận thi pháp học, Nxb Giáo dục, 1998.
- [2] Nguyễn Ngọc, Văn xuôi sau 1975 thử thăm dò đôi nét về quy luật phát triển, Văn học, 4, 1991.
- [3] Bích Thu, Những dấu hiệu đổi mới của văn xuôi sau 1975 qua hệ thống mô típ chủ đề, Văn học, 4, 1995.
- [4] Nguyễn Hải Hà, Thi pháp tiểu thuyết L.Tônxtôi, Nxb Giáo dục, 1992.
- [5] Nguyễn Đăng Mạnh, Nhà văn tư tưởng và phong cách, Nxb Giáo dục, 1997.
- [6] Tôn Phương Lan, Một vài suy nghĩ về con người trong văn xuôi thời kỳ đổi mới, Văn học, 9, 2001.
- [7] Hồ Hồng Quang, Nghiên cứu lý luận phê bình, Hội LHVHNT Nghệ An, 1997.
- [8] Remarque, Phía Tây không có gì lạ, Nxb Văn học, 2002.
- [9] Bảo Ninh, Thân phận tình yêu, Nxb Phụ nữ, 2002.

# Social - Aesthetic Premises of Novel Innovation: Perception and Description of Human Destiny in Vietnamese Novels after 1975

Lê Thị Hằng

*Department of Students Affair - Ministry of Education and Training  
35 Đại Cồ Việt Street, Hai Bà Trưng, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The purpose of the paper is to study the social – aesthetic premises of novel innovation expressed in the new perception and description of human destiny in Vietnamese novels after 1975. These premises are quite diverse. However, in the paper, the author only mentions some major aspects such as artistic direction of the Communist Party of Vietnam, the change of reality as the object of literary exploration, expectation of readers, and the consciousness and role of writers in the creative process.

*Keyword:* Premise, innovation, Vietnamese Novel, human destiny.